

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 795/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/12/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Trâm**;

Ông **Lê Hoài Phong**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Cẩm Loan** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lực** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 685/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Anh **Thái Văn S**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1961; Địa chỉ: tổ 5, ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. Chị **Thái Nguyễn Yến N**, sinh năm 2000; Địa chỉ: tổ 5, ấp TA, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh S tổ chức lễ cưới vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến sinh con thứ nhất thì đã có mâu thuẫn nhưng không lớn, đến khi sinh con thứ hai thì mâu thuẫn bộc phát. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ 06 năm nay. Vì vậy, Chị H yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H trình bày, Chị và anh S có hai con chung tên Thái Nguyễn Yến N, sinh ngày 30/3/2000 và Thái Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 27/7/2008. Hiện tại, cháu N đã trưởng thành nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu T1 hiện đang sống với Chị H, khi ly hôn Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và anh S cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, Chị H yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết với anh S, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị H trình bày là không có.

\* Theo bản tự khai ngày 10/11/2020 và biên bản hòa giải bị đơn Thái Văn S trình bày ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa anh S và Chị H có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp nên Chị H yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý. Về con chung, anh S thống nhất với lời trình bày của Chị H, không có ý kiến gì. Về tài sản chung giữa anh S và Chị H gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 xây cất trên đất của bà Phạm Thị Thu T tọa lạc tại ấp Trung A – xã Nhị Bình – huyện Châu Thành – tỉnh Tiền Giang; 01 phần đất diện tích 2527m<sup>2</sup> thuộc ấp Đông – xã Nhị Bình – huyện Châu Thành – tỉnh Tiền Giang cấp cho chủ hộ Nguyễn Thị H; 01 xe mô tô hiệu Honda – loại AIRBLADEFI – biển số 63B3-111.42 – tên chủ xe là anh Thái Văn S, nhưng cháu N đang quản lý sử dụng; 01 xe mô tô hiệu DREAM – biển số 63F1-2051 – tên chủ xe là Nguyễn Thị H do Chị H đang quản lý sử dụng. Đối với các tài sản trên, anh S đề nghị Tòa án định giá chia đôi. Về nợ chung, anh S trình bày là không có.

Ngày 19/11/2020, anh S có đơn yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản chung để anh S và Chị H tự giải quyết; đồng thời thay đổi ý kiến như sau: về quan hệ hôn nhân, anh S không đồng ý ly hôn; về con chung, đối với cháu T1 thì anh S đồng ý để Chị H nuôi dưỡng, anh S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật dân sự. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy vắng mặt nhưng đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn S. Anh S có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định: quan hệ tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Anh Thái Văn S có đơn xin vắng mặt đề ngày 19/11/2020 về yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ kiện, không tham gia phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, Chị H và anh S tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/4/2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị Nguyễn Thị H trình bày: Trong thời gian chung sống, cuộc sống hôn nhân của Chị và anh S có nhiều mâu thuẫn phát sinh vào năm 2000 và kéo dài, cho đến hiện tại thì anh chị đã ly thân hơn 06 năm. Theo đơn xin rút yêu cầu chia tài sản và thay đổi ý kiến ngày 19/11/2020, anh S không đồng ý ly hôn, với lý do còn thương vợ; nhưng không nêu được giải pháp hàn gắn mâu thuẫn chung với Chị H. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh S và Chị H thực tế không còn tồn tại và, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, cho Chị H được ly hôn với anh S.

[2.3] Về con chung, Chị H và anh S có hai con chung tên: Thái Nguyễn Yến N, sinh ngày 30/3/2000 và Thái Nguyễn Tân T1, sinh ngày 27/7/2008. Hiện tại, cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu T1 hiện đang sống với Chị H. Tại phiên tòa, Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét yêu cầu trên là phù hợp với nguyên vọng cháu T1, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: đề Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản chung: Anh S có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung ngày 19/11/2020 để anh S và Chị H tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, Chị H đồng ý với yêu cầu trên; Từ đó, Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh S, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho anh S; Đồng thời anh S và Chị H đều có quyền khởi kiện lại bằng vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

Về nợ chung: Chị H và anh S đều trình bày là không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu

300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Thái Văn S.

2/ Về con chung: Đề chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 27/7/2008. Anh Thái Văn S cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thực hiện từ tháng 12/2020 đến khi cháu T1 trưởng thành và có khả năng tự lao động được. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S chậm thực hiện việc cấp dưỡng thì anh S còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3/ Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết, do Chị H và anh S chưa có yêu cầu.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Thái Văn S theo đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn đề ngày 10/11/2020. Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự vẫn được bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003363 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; nên Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Thái Văn S chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 21.225.000 đồng theo biên lai số 0003553 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên anh S được hoàn lại 20.925.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

6/ Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh Thái Văn S, bà Phạm Thị Thu T, chị Thái Nguyễn Yên N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày cấp, tổng đạt bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình, H.Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Minh Nguyệt